

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/DS-ST

Ngày: 27-4-2023

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
góp hụi”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Nguyên

2. Ông Phạm Đức Hoài

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Tuyết L, sinh ngày 01 tháng 7 năm 1979 (có mặt);

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 20 tháng 01 năm 1981 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp XD2, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 13/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết L trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị có tham gia góp hụi do chị Nguyễn Thị H làm chủ 03 dây hụi như sau: Dây hụi mở ngày 16/3/2020 âm lịch, loại hụi 5.000.000 đồng, gồm có 25 phần,

mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 16 hàng tháng, hội có hoa hồng 2.500.000 đồng thì chi trả cho chủ hội 2.500.000 đồng tiền hoa hồng, chị tham gia góp 01 phần, chị góp được 21 lần hội sống với số tiền vốn góp vào là 74.620.000 đồng, thì chị Nguyễn Thị H tuyên bố bãi hội không góp nữa, nếu như chị được lĩnh hội sống với số tiền là 105.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 2.500.000 đồng, còn lại là 102.500.000 đồng; Dây hội mở ngày 22/4/2020 âm lịch, loại hội 5.000.000 đồng, gồm có 26 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 22 hàng tháng, hội có hoa hồng 2.500.000 đồng thì chi trả cho chủ hội 2.500.000 đồng tiền hoa hồng, chị tham gia góp 02 phần, chị góp được 19 lần hội sống với số tiền vốn góp vào là 133.300.000 đồng, thì chị Nguyễn Thị H tuyên bố bãi hội không góp nữa, nếu như chị được lĩnh hội sống với số tiền là 190.000.000 đồng (95.000.000 đồng x 02 phần), trừ tiền hoa hồng 5.000.000 đồng (2.500.000 đồng x 02 phần), còn lại là 185.000.000 đồng; Dây hội mở ngày 20/3/2021 âm lịch, loại hội 5.000.000 đồng, gồm có 26 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 20 hàng tháng, hội có hoa hồng 2.500.000 đồng thì chi trả cho chủ hội 2.500.000 đồng tiền hoa hồng, chị tham gia góp 01 phần, chị góp được 08 lần hội sống với số tiền vốn góp vào là 28.530.000 đồng, thì chị Nguyễn Thị H tuyên bố bãi hội không góp nữa, nếu như chị được lĩnh hội sống với số tiền là 40.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 2.500.000 đồng, còn lại là 37.500.000 đồng. Tổng số tiền 03 dây hội nói trên, chị Nguyễn Thị H còn nợ chị số tiền là 325.000.000 đồng (102.500.000 đồng + 185.000.000 đồng + 37.500.000 đồng). Nay chị yêu cầu chị Nguyễn Thị H phải trả cho chị số tiền góp hội còn nợ là 325.000.000 đồng (102.500.000 đồng + 185.000.000 đồng + 37.500.000 đồng), trả từ nay đến hết năm 2023 đủ số tiền nói trên, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác. Đối với số tiền hội nợ trước đó, vào ngày 29/8/2021 có cộng sổ theo dõi thì chị Nguyễn Thị H còn nợ chị 13.640.000 đồng chị không khởi kiện yêu cầu giải quyết.

** Tại văn bản trình bày ý kiến và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày như sau:*

Chị có tổ chức làm chủ hội nhiều dây để tạo vốn xoay vòng cho anh chị em ở lân cận, quá trình làm chủ hội các hội viên không góp hội, đến tháng 7/2021 âm lịch thì chị tuyên bố bãi hội không góp nữa, chị làm chủ không có đăng ký ở chính quyền địa phương, có lập sổ hội gửi cho các hội viên tham gia 01 danh sách phổ thông hội viên theo dõi. Trong đó chị Lê Thị Tuyết L có tham gia góp 03 dây hội như sau: Dây hội mở ngày 16/3/2020 âm lịch, loại hội 5.000.000 đồng, gồm có 26 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 17 hàng tháng, chủ hội nhận hoa hồng

2.500.000 đồng, chị Lê Thị Tuyết L tham gia góp 01 phần, góp được 21 lần hội sống thì chị tuyên bố bế hội không góp nữa, theo như hội vốn chị Lê Thị Tuyết L góp vào số tiền là 74.620.000 đồng (hội kêu khoảng 1.500.000 đồng đến 1.700.000 đồng, bình quân góp vốn là 3.500.000 đồng), nếu như chị Lê Thị Tuyết L lĩnh hội sống với số tiền là 97.500.000 đồng ($3.500.000 \text{ đồng} \times 20 \text{ lần} = 100.000.000 \text{ đồng}$, trừ tiền hoa hồng 2.500.000 đồng); Dây hội mở ngày 22/4/2020 âm lịch, loại hội 5.000.000 đồng, gồm có 26 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 22 hàng tháng, chủ hội nhận hoa hồng 2.500.000 đồng, chị Lê Thị Tuyết L tham gia góp 02 phần, góp được 19 lần hội sống thì chị tuyên bố bế hội không góp nữa, theo như hội vốn chị Lê Thị Tuyết L góp vào số tiền là 133.300.000 đồng (hội kêu khoảng 1.510.000 đồng đến 1.800.000 đồng, bình quân góp vốn là $3.350.000 \text{ đồng} \times 19 \text{ lần} \times 02 \text{ phần}$), trừ tiền hoa hồng 5.000.000 đồng ($2.500.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ phần}$), còn lại là 185.000.000 đồng; Dây hội mở ngày 20/3/2021 âm lịch, loại hội 5.000.000 đồng, gồm có 28 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 20 hàng tháng, chủ hội nhận hoa hồng 2.500.000 đồng, chị Lê Thị Tuyết L tham gia góp 01 phần, góp được 08 lần hội sống thì chị tuyên bố bế hội không góp nữa, theo như hội vốn chị Lê Thị Tuyết L góp vào số tiền là 28.530.000 đồng, nếu như chị Lê Thị Tuyết L được lĩnh hội sống với số tiền là 40.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 2.500.000 đồng, còn lại là 37.500.000 đồng. Tổng số tiền chị nợ chị Lê Thị Tuyết L theo như hội vốn góp vào là 236.450.000 đồng ($70.000.000 \text{ đồng} + 127.300.000 \text{ đồng} + 28.000.000 \text{ đồng}$), theo lĩnh hội sống số tiền là 325.000.000 đồng ($97.500.000 \text{ đồng} + 185.000.000 \text{ đồng} + 39.000.000 \text{ đồng}$). Nay chị đồng ý trả cho chị Lê Thị Tuyết L vốn góp vào là 236.450.000 đồng, chị xin bớt tiền lãi hội sống, hẹn trả mỗi năm 20.000.000 đồng trả cho đến khi hết số nợ nói trên, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Căn cước công dân tên Lê Thị Tuyết L (Bản phô tô); 03 sổ hội các ngày 16 tháng 3 năm 2020 âm lịch, ngày 22 tháng 4 năm 2020 âm lịch và ngày 20 tháng 3 năm 2021 âm lịch, chủ hội Nguyễn Thị H (Bản phô tô); Giấy chứng minh nhân dân Nguyễn Thị H (Bản phô tô).

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết L xác định chị tham gia góp hội do chị Nguyễn Thị H làm chủ, chị góp 3 dây hội với số tiền vốn góp vào là 236.450.000 đồng, hội sống được lĩnh là 325.000.000 đồng. Nay chị yêu cầu chị Nguyễn Thị H phải trả cho chị số tiền hội sống được lĩnh là 325.000.000 đồng (102.500.000

đồng + 185.000.000 đồng + 37.500.000 đồng), trả từ nay đến hết năm 2023 đủ số tiền nói trên, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác. Đối với số tiền hui nợ trước đó, vào ngày 29/8/2021 có cộng sổ theo dõi thì chị Nguyễn Thị H còn nợ chị 13.640.000 đồng chị không khởi kiện yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H xác định chị làm chủ hui, sau khi tuyên bố bế hui chị còn nợ chị Lê Thị Tuyết L theo hui vốn góp vào là 236.450.000 đồng, theo hui sống được lĩnh là 325.000.000 đồng. Nay chị đồng ý trả cho chị Lê Thị Tuyết L hui vốn góp vào là 236.450.000 đồng, chị xin bớt tiền lãi hui sống chênh lệch là 88.550.000 đồng (Hui sống được lĩnh là 325.000.000 đồng - hui vốn góp vào là 236.450.000 đồng), chị hẹn trả mỗi năm 20.000.000 đồng trả cho đến khi hết số nợ nói trên, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết L khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị H trả tiền hui còn nợ. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp XD2, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về hợp đồng góp hui giữa chị Lê Thị Tuyết L và chị Nguyễn Thị H xác lập bằng lời nói, hui có lãi và có hoa hồng, không thỏa thuận bằng văn bản, không công chứng, chứng thực sổ hui, không ghi sổ giấy chứng minh nhân dân hoặc sổ căn cước công dân; ngày tháng năm sinh, mức hưởng hoa hồng của chủ họ trong họ hưởng hoa hồng, lãi suất trong họ có lãi; quyền và nghĩa vụ của chủ họ là thực hiện chưa đúng hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hui, biêu, phường, nay xảy ra tranh chấp, yêu cầu giải quyết, được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 25 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hui, biêu, phường.

Xét khởi kiện của chị Lê Thị Tuyết L yêu cầu chị Nguyễn Thị H trả cho chị số tiền hui được lĩnh là 325.000.000 đồng, trả từ nay đến hết năm 2023 đủ số tiền nói trên; ý kiến trình bày của chị Nguyễn Thị H thừa nhận chị còn nợ tiền hui chị Lê Thị Tuyết L theo hui vốn góp vào là 236.450.000 đồng, theo hui sống

được lĩnh là 325.000.000 đồng, chi đồng ý trả cho chị Lê Thị Tuyết L hui vốn góp vào là 236.450.000 đồng, chi xin bớt tiền lãi hui sống chênh lệch là 88.550.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, qua trình bày và yêu cầu của đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể 03 sổ hui mở các ngày 16/3/2020 âm lịch, ngày 22/4/2020 âm lịch và ngày 20/3/2021 âm lịch xác định được, chị Lê Thị Tuyết L tham gia góp hui do chị Nguyễn Thị H làm chủ là có thật và thuộc trường hợp một bên đương sự thừa nhận theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét trình bày của yêu cầu chị Nguyễn Thị H, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị H đồng ý trả cho chị Lê Thị Tuyết L hui vốn góp vào là 236.450.000 đồng, chị Nguyễn Thị H xin bớt tiền lãi hui sống chênh lệch là 88.550.000 đồng nhưng chị Lê Thị Tuyết L không đồng ý, yêu cầu chị Nguyễn Thị H trả cho chị số tiền hui được lĩnh là 325.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, chủ hui là người tổ chức, quản lý dây hui, thu và giao các phần hui đó cho thành viên được lĩnh hui trong mỗi kỳ mở hui cho tới khi kết thúc dây hui, không phải là người nộp phần lãi nên việc chị Nguyễn Thị H xin bớt tiền lãi hui sống chênh lệch 88.550.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Đồng thời, chị Lê Thị Tuyết L không yêu cầu trả lãi chậm trả nên không xem xét. Ngoài 03 dây hui nói trên, vào ngày 29/8/2021 chị Lê Thị Tuyết L và chị Nguyễn Thị H cộng sổ theo dõi thì chị Nguyễn Thị H còn nợ chị Lê Thị Tuyết L 13.640.000 đồng nhưng chị Lê Thị Tuyết L không khởi kiện, nếu sau này có khởi kiện yêu cầu giải quyết thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tuyết L, buộc chị Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Tuyết L số tiền hui được lĩnh là 325.000.000 đồng theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự, khoản 3, khoản 4 Điều 18 và khoản 1 Điều 23 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hui, biếu, phường.

[3] Về án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 7, Điều 8, điểm c khoản 1 Điều 11, khoản 3, khoản 4, khoản 8 Điều 18, khoản 1 Điều 23 và khoản 1 Điều 25 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, họ, biếu, phường;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc chị Nguyễn Thị H phải trả cho chị Lê Thị Tuyết L số tiền hui được lĩnh là 325.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.250.000 đồng (325.000.000 đồng x 5%).

Chị Lê Thị Tuyết L không phải chi án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị Lê Thị Tuyết L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.125.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003922 ngày 23/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 27/4/2023.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- CC THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (Kieu).

Trần Văn Thảo